

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 8 -2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Út

Ông Lê Văn Qui

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020. Về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp LB 1, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Huỳnh Đình L, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp LB 1, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Đình L kết hôn với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn, hôn nhân do vợ chồng anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T và anh L đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh P (giới tính: nam), sinh ngày 05/3/2000 và Nguyễn Huỳnh T (giới tính: nam), sinh ngày: 29/11/2009. Hiện nay cháu P đã trưởng thành còn cháu T đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Huỳnh Đình L trình bày: Anh L cũng thừa nhận lời trình bày của vợ anh là chị Nguyễn Thị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là đúng. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh L cũng đồng ý. Về con chung anh L cũng thống nhất để chị T tiếp tục nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Huỳnh Đình L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Huỳnh Đình L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh L có tổ chức lễ cưới vào năm 1999 có xác nhận của gia đình 2 bên nhưng vợ chồng anh, chị không đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc thời gian dài thì vợ chồng chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên vợ chồng ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn

nên chị T làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Đình L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Huỳnh P hiện đã trưởng thành nên không xem xét, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Huỳnh T và anh L cũng thống nhất. Tại bản tự khai cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị T. Vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Đình L là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh T (giới tính: nam) sinh ngày 29/11/2009. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0000479 phiếu lập ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/8/2020). Bị đơn Huỳnh Đình L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi bị đơn đang cư trú.

Nơi Nhận:

- VKSND thị xã Long Mỹ;
- THADS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã LP;
- Lưu HS;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đào Thị Thủy